TÒA ÁN NHÂN DÂN KV1 **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **68/2025/QĐST-HNGD**	*Thành phố H, ngày 04 tháng 8 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 65/2025/HNST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2025 giữa:

Nguyên đơn: Ông Bùi Hữu P, sinh năm 1963;

Địa chỉ:132/49B ĐVB, Phường KH *(cũ là Phường M, Quận B)*, Thành phố H

Bị đơn: Bà Trịnh Thị Như T, sinh năm 1962;

Địa chỉ:132/49B ĐVB, Phường KH *(cũ là Phường M, Quận B)*, Thành phố H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình của Luật Hôn nhân và gia đình có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2015;

Căn cứ vào điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 7 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 7 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Ông Bùi Hữu P và bà Trịnh Thị Như T thuận tình ly hôn (*Trích lục kết hôn số 2199/TLKH-BS ngày 01/12/2023 tại Uỷ bản nhân dân Quận B, Thành phố H).*

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Ông Bùi Hữu P và bà Trịnh Thị Như T có 02 con chung là Bùi Thị Thanh P1, sinh ngày 02/10/1985 và Bùi Thị Thanh X, sinh ngày 26/01/1996. Cả hai con chung đã trưởng thành.

2.2. Về tài sản chung: Hai bên đương sự yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

2.3. Về nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Hai bên đương sự xác định không có.

2.4. Về án phí: Đương sự được miễn án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.H;
- Viện kiểm sát nhân dân KV1 TP.H;
- Phòng Thi hành án dân sự KV1;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu VP TAKV1;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Xuân Quỳnh

TAND KHU VỰC 1

MMN040825.TL.QDBA
596